

修行

修行者，修改行為，捨惡取善，離俗從道也。

行住坐臥要恭敬；說話要和平謙遜；意不貪瞋癡；

身不殺盜淫；口不妄言，不綺語，不兩舌，不惡口，
不喫葷酒等，是為修行。

Phiên âm: Tu hành

Tu hành giả, tu cải hành vi, xả ác thủ thiện, ly tục tòng đạo dã. Hành trụ tọa ngọa yếu cung kính. Thuyết thoại yếu hoà bình khiêm tốn. Ý bất tham, sân, si. Thân bất sát, đạo, dâm. Khẩu bất vọng ngôn, bất ý ngữ, bất lường thiệt, bất ác khẩu. Bất khiết huân tửu đẳng, thị vi tu hành.

Dịch nghĩa: Tu hành

Tu hành là sửa đổi hành vi, bỏ dữ làm lành, xa lìa thế tục mà theo đạo. Khi đi, đứng, ngồi, nằm phải cung kính. Nói năng phải hòa nhã khiêm tốn. Ý không tham lam, sân hận, si mê. Thân không sát sinh, trộm cắp và tà dâm. Miệng không nói lời dối trá, không nói lời thù dật, không nói hai lời, không nói lời hung dữ. Không ăn uống những đồ rượu thịt. Như thế gọi là tu hành.

Nguồn: Sơ đẳng Phật học giáo khoa thư, Bài thứ 6 (có điều chỉnh trật tự câu)

<https://thuvienhoasen.org/images/file/hPmJu6rd1QgQAN9D/so-dang-phat-hoc-giao-khoa-thu.pdf>

Chi tiết về Tam độc tham sân si, vui lòng tham khảo thêm tại Thư viện Hoa Sen

<https://thuvienhoasen.org/a28476/giai-ve-si-me>